TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoa

Ông Trần Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn M, sinh năm 1990. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm G, xã C, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An. Năm 2022, anh M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu còn liên lạc, gọi điện về cho vợ con nhưng đến đầu năm 2024 thì không còn liên lạc nữa. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 05/12/2012 và Trần Quốc D sinh ngày 12/9/2014. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Quốc Đ và Trần Quốc D và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Trần Văn M:

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã gửi các văn bản tố tụng; thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh M có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh M theo thủ tục niêm yết công khai các văn bản trên theo quy định của pháp luật nhưng hiện tại anh M vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ của anh M) thì anh M hiện đang ở Đài Loan, có điện thoại về cho bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể; anh M đã biết chị H làm đơn ly hôn tại Tòa án nhưng anh M không có ý kiến gì. Đến ngày xét xử vụ án anh M không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Theo công văn của Phòng Q, Công an tỉnh N thì anh Trần Văn M có thông tin xuất cảnh và hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ của anh M) thì anh M hiện đang lao động ở nước ngoài, có điện thoại về cho gia đình nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể; anh M đã biết việc chị H làm đơn ly hôn tại Toà án nhưng không có ý kiến gì. Việc anh M vắng mặt được xác định cố tình giấu địa chỉ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xử cho chị H được ly hôn với anh M.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 05/12/2012 và Trần Quốc D sinh ngày 12/9/2014. Hiện nay chị H đang ở Việt Nam và có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, anh M đang sinh sống ở Đài Loan; các con chung có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị H không yêu cầu, anh Trần Văn M chưa có ý kiến nên chưa xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị H trình bày anh M hiện đang cư trú ở Đài Loan nhưng không có địa chỉ cụ thể. Toà án đã tiến hành xác minh tại người thân của anh M là bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ của anh M) thì được cung cấp anh M hiện đang cư trú tại Đài Loan, mặc dù không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh M vẫn liên lạc với bà H1 và biết chị H yêu cầu ly hôn anh M tại Toà án. Ngày 10/3/2025, Phòng Q Công an tỉnh N có Công văn số 735/QLXNC-Đ1 cung cấp thông tin anh Trần Văn M xuất cảnh ngày 02/11/2023 qua cửa khẩu Sân bay quốc tế N, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh.

Do anh Trần Văn M trước khi xuất cảnh có địa chỉ cuối cùng tại huyện H, tỉnh Nghệ An và hiện tại đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1 (mẹ đẻ của anh M) cung cấp hiện nay anh M đang ở Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể; anh M vẫn thường xuyên liên lạc về với bà H1 và đã biết được chị H yêu cầu ly hôn anh M tại Toà án nhưng không có ý kiến gì. Như vậy, anh M đã biết được chị H yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ và vắng mặt là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Căn cứ Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh M. Xét thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị Học sinh S và làm việc tại Việt Nam, anh M sinh sống ở nước ngoài; hai vợ chồng đã sống ly thân, không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị H được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 05/12/2012 và Trần Quốc D sinh ngày 12/9/2014 đang sống cùng với chị H; các con chung đều mong muốn sống cùng mẹ; anh M đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, giao 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 05/12/2012 và Trần Quốc D sinh ngày 12/9/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H chưa yêu cầu, anh Trần Văn M chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Trần Văn M vắng mặt chưa có ý kiến nên dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là cháu Trần Quốc Đ sinh ngày 05/12/2012 và Trần Quốc D sinh ngày 12/9/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị H chưa yêu cầu anh Trần Văn M cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013831 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Trần Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H, h H ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hoàng Ngọc Anh